

Đề bài

Bình giảng đoạn thơ sau
trong bài thơ

Tiếng hát con tàu

“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”.

Bài làm

Khi nói về con đường thơ của mình, Chế Lan Viên từng khẳng định:

*“Xưa phù du mà nay đã phù sa
Xưa trôi đi mà nay không bay mất”*

Trên hành trình của một hồn thơ đi từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui, từ chân trời của một người đến với chân trời của tất cả ấy, hơn ai hết, Chế Lan Viên hiểu được vai trò lớn lao của Đảng và nhân dân, những người mà nhà thơ cho rằng đã “thay đổi đời tôi, thay đổi thơ tôi”. Niềm hạnh phúc rưng rưng của một nhà thơ đã nhận chân ra giá trị đích thực của cuộc đời mình khi trở về với nhân dân đã được nhà thơ gửi gắm một chân thành và xúc động qua những câu thơ:

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa
Như đưa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”.*

(*Tiếng hát con tàu* – Chế Lan Viên)

Tiếng hát con tàu là bài thơ được sáng tác từ một sự kiện kinh tế – xã hội: cuộc vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới vào năm 1960. Tuy nhiên, bài thơ không chỉ dừng lại với ý nghĩa tuyên truyền cho một đường lối, chính sách của Đảng. Với tư cách là một nhà thơ, từ thực tế đời sống với những yêu cầu, đòi hỏi mới về người nghệ sĩ, nhà thơ đã thể hiện được khát vọng trở về với đất nước và nhân dân – cội nguồn của mọi cảm hứng sáng tạo. Khát vọng ấy được diễn đạt khá linh hoạt và sáng tạo. Có khi, khát vọng ấy được gửi gắm qua sự hóa thân kì diệu của nhà thơ:

*“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hóa những con tàu
Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu”*

Và cũng có khi, khát vọng ấy lại được thể hiện bằng những câu thơ đầy xúc động. Đó là niềm hạnh phúc lớn lao của nhà thơ khi được trở về với nhân dân:

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đưa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”*

Trong hoài niệm của nhà thơ về Tây Bắc, nhân dân không phải là một khái niệm trừu tượng mà được hiện diện qua những cuộc đời, những số phận cụ thể. Đó là người anh du kích với “Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách.

Đêm cuối cùng anh gửi lại cho con”, là thằng em liên lạc: “Muời năm tròn không mất một phong thư”, là bà mẹ “lửa hồng soi tóc bạc. Năm con đau mẹ thức một mùa dài”... Họ là những người có cuộc đời nghèo khó nhưng đã hi sinh trọn đời cho Cách mạng đã được nhà thơ nhắc đến bằng tất cả lòng biết ơn chân thành nhất. Từ những con người, những cuộc đời cụ thể ấy, mạch cảm xúc thơ lại hướng đến suy tưởng, khái quát.

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”*

Đoạn thơ gây ấn tượng cho người đọc trước hết bởi lối xưng hô nhằm tạo ra quan hệ ruột thịt: “Con gặp lại nhân dân”. Cách xưng hô giản dị mà chân thành, ám áp đã cụ thể hóa một lần nữa mối quan hệ giữa nhà thơ và nhân dân. Đây là một nhận thức mới mẻ thể hiện hành trình của một quá trình nhận thức; từ *cái tôi* chật hẹp của chính mình, người nghệ sĩ đã hòa nhập với cuộc sống rộng lớn của nhân dân. Đây cũng là nhận thức của Xuân Diệu khi ý thức về chỗ đứng, về mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với nhân dân.

*“Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu
Tôi sống với muôn người chiến đấu
Của triệu người yêu dấu gian lao”*

(Những đêm hành quân)

Vì vậy, lối xưng hô ân tình ấy sở dĩ gây được xúc động trong lòng người đọc cũng chính là bởi nhà thơ đã nói được tâm lòng của cả một thế hệ mà có lần Chế Lan Viên đã trách cứ với chính mình vì “lỡ nhịp” với cuộc sống của nhân dân:

*“Có thể nào quên cả một thời thơ ấu
Tổ quốc trong lòng mà có cũng như không
Nhân dân ở quanh ta mà ta chẳng biết
Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng”*

(Người thay đổi đời tôi, Người thay đổi thơ tôi)

Nhà thơ Thanh Thảo lại nói về mối quan hệ giữa nhân dân và cá nhân nhà thơ bằng lối liên tưởng, so sánh với người mẹ:

*“Và cứ thế, nhân dân thường ít nói
Như mẹ tôi lặng lẽ suốt đời
Và cứ thế, nhân dân cao vời vợi
Hơn những ngôi sao cô độc giữa trời”.*

(Những người đi tới biển)

Trong niềm xúc động chân thành ấy, nhà thơ đã diễn đạt ý nghĩa của cuộc trở về với nhân dân bằng lối so sánh đầy bất ngờ, sáng tạo. Trước hết, đây là một lối so sánh kép. Chỉ có bốn câu thơ mà xuất hiện đến 5 lần các biện pháp so sánh. Cảm giác như niềm hạnh phúc được trở về với nhân dân bỗng nở xòe như những cánh hoa rực rỡ và ấm áp sắc màu. Lối so sánh kép này là một đặc trưng thể hiện phong cách nghệ thuật thơ Chế Lan Viên. Trong bốn câu thơ đề từ, nhà thơ đã so sánh *Lòng ta, Tâm hồn ta* với hai hình ảnh: *con tàu và Tây Bắc*. Đến phần sau của bài thơ, khi nói về nỗi nhớ, về tình yêu, những câu thơ ấy lại một lần nữa khoe sắc qua lối liên tưởng:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”

Việc xây dựng hình tượng thơ qua lối so sánh kép có ý nghĩa rất lớn để thể hiện niềm xúc động rung rung của nhà thơ, đồng thời tạo được sự liên tưởng nhiều chiều với những quan hệ ngang dọc trong trí tưởng tượng của người đọc.

Những biện pháp so sánh ở đây lại được xây dựng từ những hình ảnh rất bình dị, quen thuộc, đặc biệt với người dân miền núi: *nai, suối cũ, cỏ, chim én, mùa xuân, chiếc nôi...* Điều này cũng ghi nhận nỗ lực của nhà thơ trên con đường từ bỏ những hình ảnh xa lạ, ma quái ở những tập thơ trước Cách mạng để trở về với thế giới bình dị, mang trong đó hơi thở cuộc sống của nhân dân. Nếu trước đây, người đọc luôn bắt gặp những hình ảnh câu kì, thậm chí điên loạn: *bóng ma Hời, những sông vắng lê mình trong bóng tối...* thì đến bài thơ, đoạn thơ này là những hình ảnh đầy ắp vẻ đẹp của hiện thực đời sống.

Cái hay trong đoạn thơ còn là cách sắp xếp những hình ảnh so sánh của nhà thơ. Đó là lối so sánh tăng dần theo cấp độ. Ba vế so sánh đầu hướng về tự nhiên, về ngoại vật. Nhưng đến hai vế so sánh còn lại lại hướng về con người và nhu cầu tồn tại của con người: *trẻ thơ đói lòng – gặp sữa; nôi ngừng – cánh tay đưa*. Chính cách sắp xếp ấy có ý nghĩa rất lớn trong việc thể hiện niềm biết ơn chân thành và sâu sắc của nhà thơ khi được trở về với nhân dân.

Không những thế, lối so sánh trong khổ thơ còn mang đậm tính triết lí: Mỗi sự vật chỉ có thể có ý nghĩa khi đặt trong mối quan hệ máu thịt với các sự vật khác. Nai và suối cũ - đó là hai yếu tố không thể tách rời, trong đó, suối cũ đã trở thành môi trường sống của loài nai. Tháng Giêng, tháng Hai là thời điểm bắt đầu của một năm. Thời điểm ấy thích hợp nhất cho sự phát triển của cỏ cây, hoa lá. *Mùa xuân và những cánh chim én; trẻ thơ và nhu cầu gặp sữa...* đều là những hình ảnh luôn được đặt trong những mối quan

hệ chi phối lẫn nhau. Mượn những hình ảnh trong đời sống tự nhiên và xã hội, mượn những quy luật ấy để nhà thơ nói đến một mối quan hệ lớn hơn: nghệ thuật chỉ có ý nghĩa khi phản ánh đời sống. Hiện thực đời sống là điểm xuất phát đồng thời cũng là cái đích cuối cùng mà mỗi tác phẩm văn học phải hướng tới. Nếu đánh rơi mất đời sống, thơ ca sẽ chết khô trên trang giấy. Nhưng để phản ánh được hiện thực đời sống, người nghệ sĩ phải gắn bó cuộc đời mình với nhân dân, phải cùng nhịp đập với hàng triệu trái tim của nhân dân. Có lẽ, không nhà thơ nào lại diễn đạt chân lí của quá trình sáng tạo ấy hay và sâu sắc như Chế Lan Viên.

Đây là một trong những đoạn thơ khá hay trong bài thơ. Với lối xây dựng hình ảnh mới lại, với lối so sánh giản dị nhưng sâu sắc, Chế Lan Viên đã hướng người đọc đến một quy luật có tính phổ quát: trở về với nhân dân là con đường tất yếu. Nó phù hợp với quy luật của tự nhiên cũng như phù hợp với đạo lí, tình cảm con người. Bởi vì chỉ có con đường ấy mới mở ra được những chân trời lớn cho người nghệ sĩ. Đi trên con đường ấy, Chế Lan Viên đã thực sự thành công, trở thành tiếng thơ hào hùng, tiếng kèn xung trận trong những năm chống Mĩ sau này.